



Luận văn

Vần và nhịp trong thơ Việt

Nam đương đại

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.. 1

1. Lý do chọn đề tài 1

2. Lịch sử vấn đề. 2

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu. 3

4. Phương pháp nghiên cứu. 4

5. Kết cấu khóa luận. 4

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ THUYẾT.. 6

1.1. Khái quát về văn thơ. 6

1.1.1. Khái niệm.. 6

1.1.2. Vấn đề phân loại văn thơ. 7

1.1.3. Văn trong các thể thơ Việt Nam.. 9

1.1.4. Chức năng của văn thơ. 11

1.2. Khái quát về nhịp thơ. 12

1.2.1. Khái niệm.. 12

1.2.2. Phân loại nhịp thơ. 13

1.2.3. Các nguyên tắc ngừng nhịp trong thơ. 14

1.2.4. Vai trò của nhịp trong thơ. 15

1.2.5. Mối quan hệ giữa vần và nhịp trong thơ. 16

1.3. Vài nét về thơ đương đại và những tác giả thơ Việt Nam đương đại 17

1.3.1. Tổng quan thơ Việt Nam đương đại 17

1.3.2. Giới thiệu một số tác giả thơ Việt Nam đương đại 23

CHƯƠNG 2: VẦN TRONG THƠ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI. 28

2.1. Có hay không sự tồn tại của vần trong thơ Việt Nam đương đại?. 28

2.2. Những đổi mới của việc gieo vần trong thơ Việt Nam đương đại 32

2.2.1. Xét theo vị trí hiệp vần. 32

2.2.2. Xét theo sự biến thiên của thanh điệu. 39

2.2.3. Xét theo mức độ hòa âm.. 42

2.3. Vai trò của vần trong thơ Việt Nam đương đại 49

Tiểu kết 50

CHƯƠNG 3: NHỊP TRONG THƠ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI. 52

3.1. Mối quan hệ giữa nhịp thơ và cảm xúc tâm hồn của tác giả. 52

3.2. Những phương thức ngắt nhịp trong thơ Việt Nam đương đại 59

3.2.1. Ngắt nhịp trên cơ sở hình thái văn bản. 60

3.2.2. Ngắt nhịp trên cơ sở cú pháp. 63

3.2.3. Ngắt nhịp trên cơ sở dấu câu. 70

3.3. Vai trò của nhịp trong thơ Việt Nam đương đại 77

Tiểu kết 78

KẾT LUẬN.. 80

NGUỒN NGŨ LIÊU.. 82

TÀI LIỆU THAM KHẢO.. 83

1.1.1. Tổng quan thơ Việt Nam đương đại

Từ sự kiện cách mạng lớn là Đại hội Đảng lần VI (12/1986), đời sống văn học nghệ thuật Việt Nam đã được thổi một luồng gió mới về không khí dân chủ, tạo điều kiện cho sự cởi mở trong đời sống cũng như sự tự do sáng tạo. Khái niệm thơ Việt Nam đương đại dùng ở đây được hiểu là thơ Việt từ cái mốc Đổi Mới 1986 này.

Thơ ca từ những năm 1986 trở lại đây đang rải những bước chân mạnh mẽ trên con đường hiện đại hóa từ nội dung đến hình thức với sự đa dạng về tư duy nghệ thuật, về khuynh hướng thẩm mỹ cũng như về bút pháp và ngôn ngữ. Nhiều nhà thơ đắm mình trong truyền thống, nhưng cũng nhiều nhà thơ có lối viết cách tân táo bạo theo kiểu phương Tây. Chỉ riêng trong khoảng 1990-1994, đã có nhiều tập thơ thu hút sự quan tâm của dư luận như *Ba mươi sáu bài thơ* (Lê Đạt – Dương Tường), *Sự mất ngủ của lửa* (Nguyễn Quang Thiều), *Ngựa biển và Người đi tìm mặt* (Hoàng Hưng)... Tiếp theo đó là một loạt các sáng tác của các nhà thơ trẻ như *Khát* và *Linh* (Vi Thùy Linh), *Cỏ trắng* (Ly Hoàng Ly), *Nằm nghiêng* (Phan Huyền Thư), *Khí hậu đồ vật* (Nguyễn Quốc Chánh),...

Thơ Mới trước đây chịu ảnh hưởng của thơ ca Lãng mạn, Tượng trưng Pháp đã tạo ra một cuộc cách mạng thơ ca, thoát khỏi những sáo mòn khuôn thước

của truyền thống. Thơ ca hôm nay cũng với mong muốn bứt phá khỏi những giá trị truyền thống, đã tiếp thu ảnh hưởng từ rất nhiều những trường phái, khuynh hướng khác nhau: chủ nghĩa Tượng trưng Siêu thực, chủ nghĩa Hiện sinh, chủ nghĩa Hình thức, chủ nghĩa Hậu hiện đại và mới đây nhất là chủ nghĩa Tân hình thức. Song dù theo trường phái, khuynh hướng nào thì chúng ta cũng nhận thấy một xu thế đang ngày càng được khẳng định và mở rộng trong thơ Việt Nam hôm nay là: tính hiện đại và tư duy nghệ thuật Hậu hiện đại – một trào lưu tư tưởng và văn hóa có tính toàn cầu. Chính những ảnh hưởng đó đã làm mới thơ Việt Nam đương đại cả về nội dung lẫn hình thức.

Xã hội ngày càng phát triển và thế giới ngày càng “phẳng” hơn, chính vì thế mà mối quan tâm của con người ngày càng phong phú và đa dạng hơn. Thời gian để tâm vào thơ không còn nhiều. Chưa kể cách đọc thơ hiện nay của quần chúng còn quá hời hững và phụ thuộc. Họ phụ thuộc vào các nhà phê bình và báo chí, họ chỉ đọc những tác phẩm đã được giải thưởng hay được báo chí lên tiếng vì một scandal nào đó, vì thế, độc giả đang dần mất những nhận định chủ quan.

Nhìn về sự phát triển mạnh mẽ của thơ đương đại Việt trong gần 30 năm qua (1986-2012), và kể từ khi văn chương mạng ra đời (2002), có thể khái quát sự phát triển thơ Việt theo bốn dòng chính:

- Thơ truyền thống có giao thoa với hiện đại, có phần mang hình thức cổ điển với nội dung đương đại: Ý Nhi, Phạm Thị Ngọc Liên, Thanh Thảo, Nguyễn Trọng Tạo, Lâm Thị Mỹ Dạ,...

- Thơ Tân hình thức (new formalism poetry), là phong trào thơ do Khế Iêm khai sinh ở Mỹ vào năm 2000 (chủ yếu đăng ở Tạp chí Thơ, Hoa Kỳ), truyền bá sang Việt Nam, được các thi sĩ không chính lưu (như nhóm Ngựa Trời, nhóm Mở miệng,...) ở TP. Hồ Chí Minh tích cực hưởng ứng, tạo không khí thơ sôi động một thời. Khế Iêm cho rằng, Tân hình thức trong thơ Việt có những đặc tính chính: cách nói thông thường, vắt dòng, kỹ thuật lặp lại và tính kể chuyện. Tuy nhiên, thơ Tân hình thức dường như khó được chấp nhận và bị dị nghị trên thi đàn Việt Nam, họ đang đổi khác để tồn tại.

- Thơ Thị giác (visual poetry) trong đó thơ trình diễn (poetry performance) là một nhánh nổi bật. Về kiểu thức này, có thể kể đến các tên tuổi sau: Dương Tường, Hoàng Hưng, Vi Thùy Linh, Ly Hoàng Ly, Nguyễn Hữu Hồng Minh, Phan Vũ, ...

- Thơ chịu ảnh hưởng của trào lưu thơ Hiện đại và Hậu hiện đại: được khơi mào từ giữa thập niên cuối của thế kỉ XX và nở rộ cùng văn chương mạng tiếng Việt. Nó có các đại diện tiêu biểu như Lê Đạt, Hoàng Hưng, Dương Tường, Nguyễn Quang Thiều, Vi Thùy Linh, Ly Hoàng Ly, Phan Huyền Thư... Cùng với đó là sự phát triển của thơ mạng với Đặng Thân, Lê Anh Hoài, Mai Văn Phấn, Bùi Chát, Khải Minh, Đỗ Quyên, Nguyễn Đức Tùng,... Các nhà thơ này vận dụng nhiều thủ pháp tiếp nhận từ đồng nghiệp trên thế giới để sáng tạo nhiều loại thơ chưa từng có mặt trong truyền thống thơ ca Việt Nam trước đó: phỏng nhại, liên văn bản, vắt dòng, siêu hư cấu sử kí, thơ phụ âm, thơ graphic, thơ thực hiện, thơ cụ thể, thơ phân thân, thơ động tác, thơ tịnh tiến,...

Tuy phát triển theo nhiều dòng thơ, nhưng thơ đương đại vẫn mang những đặc điểm chính sau:

a. Về nội dung:

Cuộc sống xã hội nhiều thay đổi, ngổn ngang hơn với bao mối quan hệ phức tạp đa diện, công chúng không còn ưa lối nói một chiều nữa, mà đòi hỏi lý giải, cắt nghĩa nhiều dữ kiện của đời sống, nhận thức lại nhiều vấn đề. Các nhà thơ không thể nhìn cuộc sống như trước đây mà buộc họ phải thích ứng với những thay đổi nhiều khi chóng mặt của cuộc sống. Điều đó dẫn tới sự thay đổi sâu sắc về tư duy nghệ thuật thơ.

Thơ ca tự ý thức chính mình, không quay lưng với bất kỳ thể loại nào, vận động theo hướng dân chủ, lấy tinh thần nhân bản và ý thức thức tỉnh cá nhân làm cảm hứng chủ đạo, vận động cùng chiều với nền văn học thế giới. Đồng thời, thơ ca khám phá cái tôi trên nhiều phương diện đời sống tình cảm, đời sống bản năng, đời sống tâm linh.

Thơ ca thời kỳ này có xu hướng nhạt dần cảm hứng sử thi, chuyển hướng quan tâm đến số phận đời tư, đời thường. Cái nhìn của các nhà thơ gần gũi với đời sống thường ngày hơn nhưng giàu chất suy tư, là sự tỉnh táo của bề ngoài của một nỗi đam mê lớn phía bên trong. Nhà thơ không phải là những người rao giảng đạo đức hay minh họa cho một tư tưởng sẵn có mà anh ta phải góp phần đánh thức những khát khao, những niềm trắc ẩn của con người trên cơ sở trình bày cảm nhận của mình về các giá trị.

Thơ đương đại như bỏ lại sự khúc chiết; sự rõ ràng, rành mạch duy lý không còn được coi trọng. Với việc cá thể hóa cao độ, bộc lộ khát vọng bản năng một cách tối ưu, dẫn đến thơ ca có phần vô thức, ảo ảo với cả những trực giác, những tiềm thức con người mà vốn dĩ bị tư duy duy lý che lấp suốt nhiều thế kỷ. Con người được phản ánh trong thơ ca giai đoạn này là con người bị ảnh hưởng bởi chủ nghĩa Hậu hiện đại: *“được nhìn ở nhiều vị thế và trong tính đa chiều của mọi mối quan hệ: con người xã hội, con người với lịch sử, con người của gia đình gia tộc, con người với phong tục, với thiên nhiên, với những người khác với chính mình... được khám phá, soi chiếu ở nhiều bình diện và nhiều tầng bậc: ý thức và vô thức, đời sống tư tưởng, tình cảm và đời sống tự nhiên, bản năng, khát vọng cao cả và dục vọng tầm thường, con người cụ thể, cá biệt và con người trong tính nhân loại phổ quát”* [38].

b. Về hình thức:

Về thể loại, trong đời sống thơ ca đương đại, thơ tự do luôn chiếm ưu thế, thậm chí áp đảo các thể thơ khác. Điều này khẳng định khả năng vượt trội của thể thơ trong việc cho phép nhà thơ tự do triển khai tự do hơn những phức hợp cảm xúc cá nhân, tổ chức nhịp điệu linh hoạt hơn, mở cửa cho chất văn xuôi vào thơ, đồng thời cho thấy tính hiện đại trong thơ.

Các thể thơ truyền thống như thơ lục bát, thơ 5 chữ, thơ 7 chữ vẫn tồn tại những đã được nói lỏng cấu trúc. Ở thơ 5 chữ và 7 chữ, tính “điệu nói” được gia tăng thêm một bước nữa, cấu trúc thể loại dựa vào nhịp nhiều hơn vần,

giọng điệu thơ ít gân guốc hơn, các liên tưởng thơ ít tuân theo quan hệ nhân quả hơn. Thể thơ lục bát được cách tân về trình bày văn bản và giọng điệu:

Ta tìm

tịch lặng trong không

hương

trầm

ngâm

khói

mỏi lòng

chôn chân.

Một nhòai

dạt bước phù vân

chuông

gieo

một tiếng

trong ngàn vào ta

(Nguyễn Anh Vũ)

Chính sự thay đổi về thể loại, thơ đương đại cũng bỏ lại phía sau những quán tính truyền thống. Thơ đương đại hầu như vắng bóng những khổ thơ vắn luật ổn định, mà viết theo nhịp điệu của tâm hồn, nhịp điệu của cảm xúc, sự đa dạng với những câu thơ trúc trắc, mang tính hội thoại cao.

Ngoài đổi mới thể loại thơ cùng với vần, niêm luật, nhịp điệu, hình thức biểu hiện trong thơ cũng được đổi mới. Cấu trúc ngôn ngữ trong một số bài thơ được biểu hiện theo dạng khổ hai câu như *Đồng dao cho người lớn* của Nguyễn Trọng Tạo, *Giọt trời* của Nguyễn Duy và nhiều bài thơ của Lê Đạt; hoặc khổ ba câu như rất nhiều bài thơ của nhà thơ Lê Thị Mây: *Giọt lệ*, *Trao nhẵn*, *Im lặng*, *Nỗi buồn*, *Cây gai tàn*, *Đêm tối*,... Theo hướng tăng cường chức năng biểu đạt và mở rộng sự biểu đạt bằng cách sử dụng cấu trúc thơ. Nhiều bài thơ có cấu trúc mới lạ biểu hiện ở cách ngắt câu xuống dòng đặc biệt, được xếp hình bậc thang, vắt dòng, hoặc trình bày lạ mắt:

chia cho em một đời thơ

một lênh đênh

một đại khờ

một tôi

chỉ còn cỏ mọc bên trời

một bông hoa nhỏ lặng rơi mưa dầm

(Chia - Nguyễn Trọng Tạo)

Cấu trúc thơ có sự đổi mới tạo nên sự chia cắt, ngắt quãng của từ theo nhiều cách khác nhau tạo độ vang trong thơ và có thể diễn đạt nhiều điều chất chứa bên trong tâm hồn con người không thể giải bày:

Mưa ngâu

đêm

nghe lâu

buồn thêm...

buồn thêm!

Cỏ trên gian

lặng im

an ủi

Thương tình yêu đắm say

mang tội

Thương con người dễ làm lỗi

khó đau...

(Buồn - Nguyễn Bình Phương)

Hiện nay, các nhà thơ lại tập trung vào tổ chức cấu trúc chỉnh thể, xây dựng hàng chuỗi biểu tượng và các biểu tượng ấy nhiều khi không dễ nhận ra bằng sự cảm nhận thông thường.

Điểm đáng chú ý về hình thức cấu trúc ngôn ngữ thơ sau năm 1986 là xuất hiện nhiều trò chơi ngữ nghĩa với tổ chức âm/nghĩa mới lạ, độc đáo. Cách xếp đặt ngữ âm trong thơ giai đoạn này được tác giả Nguyễn Đăng Điệp ví như một “trò chơi”. Một số cây bút có nhiều bài thơ tiêu biểu cho cách tổ chức trò chơi ngữ âm này là Hoàng Hưng, Đặng Đình Hưng, Dương Tường, Lê Đạt, ... Trò chơi ngữ âm trong thơ đã góp phần tạo nên sự thú vị cho người thưởng thức:

Mây may thu mắt thủy mặc đồ

Nét thảo biếc đậm mây quá khứ

Nắng nhạt bước thon hè tình sử

Jin xô dài

khăn chấm đỏ

bụi mưa

(Thủy mặc – Lê Đạt)

Tuy nhiên, một khi quá lạm dụng, hình thức tổ chức ngôn ngữ này sẽ gây phản cảm, người đọc khó chấp nhận, như bài thơ sau của nhà thơ Dương Tường:

Noel lưa len len đēm tồ tồg truyên

Hồ bờ len người len đēn len liểu loan mắt

Loen màu nhen rãm rãm gaine men

Em về phó lặg

Lòng đố chuông

llênh lluênh nước

lli

lluâng

lloang llung

llênh llinh lluông buông boong

ad lllibitum”

(Noel 1 – Dương Tường)

Một trong những đặc điểm thơ đương đại, đó là nhà thơ đã chú trọng đến vấn đề biểu đạt của ngôn ngữ. Trường từ ngữ trong thơ đã được mở rộng đến gần như không có giới hạn nào. Những từ thông tục, khẩu ngữ, biệt ngữ đã có mặt khá thường xuyên trong thơ của nhiều tác giả, nhất là lớp trẻ. Thơ ca trở lại vị trí thực của nó giữa cuộc đời và nhu cầu tự biểu hiện của con người, đặc biệt nhấn mạnh bản chất nghệ thuật ngôn từ của thơ, xem việc làm thơ là

“làm chữ”... Hai con đường làm mới ngôn ngữ thơ: Một là đưa vào thơ những từ ngữ mới xuất hiện trong đời sống, hai là tạo nghĩa mới cho từ cũ và tạo hẳn chữ mới.

CHƯƠNG 3: NHỊP TRONG THƠ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

Nếu văn thơ đương như ít xuất hiện, phân bố tự do, linh hoạt hơn trong thơ đương đại thì nhịp thơ lại càng quan trọng hơn, nhằm nổi bật tính hòa âm của chữ trong thơ. Có thể, thơ không thể hiện rõ quy luật nhịp điệu, nhưng thực chất trong logic hình thức của thơ, nó không bao giờ chối từ nguyên tắc cấu trúc nhịp điệu. Bởi đây vốn dĩ tạo nên tính nhạc cho thơ, đưa thơ, rõ hơn là thơ văn xuôi khác với văn xuôi. Thơ có thể không vần, nhưng không thể không có nhịp điệu – quy luật nội tại của thơ. Sự tồn tại của nhịp mang tính tất yếu, phổ quát, bắt buộc. Không có nhịp thì chưa tạo thành thơ. Thơ đương đại có thể có câu dài, câu ngắn, mạch thơ có thể liên tục hoặc ngắt ra nhiều câu ngắn, có thể trình bày theo bậc thang hay bậc cầu. Nhưng dù có biến hóa thế nào đi nữa, thơ đương đại vẫn giữ được sự hài hòa của nhịp điệu. Đoàn Ánh Dương từng cho rằng: *“Thơ đương đại có thể coi là thơ nhịp điệu”* [7].

1.2. Mối quan hệ giữa nhịp thơ và cảm xúc tâm hồn của tác giả

Nhà nghiên cứu Trần Thiện Khanh cho rằng nhịp thơ được cấu trúc trên nền tảng dòng thơ: “*Một dòng thơ ngắn có thể tương ứng với một khuôn nhịp. Nhưng thường thì một câu thơ, dòng thơ có nhiều nhịp. Nhịp thơ không nhất thiết phải đều đặn, cố định. Nhịp thơ đổi thay theo nhu cầu biểu hiện ý tình; theo nhiệm vụ tái hiện sự vận động của sự vật, hiện tượng; theo ngữ điệu phát ngôn ở từng nhân vật. Mỗi dòng thơ, câu thơ được tổ chức theo quy luật câu hát. Ngâm thơ cũng luyến láy, ngừng nghỉ, kéo dài và lướt nhẹ một số âm tiết nào đó*” [20].

Ngày nay, trong thơ Việt Nam đương đại, khi mà các thể loại thơ đan cài, giao thoa nhau, nhà thơ có khi “viết như nói” thì nhịp điệu câu thơ không còn bị ràng buộc chặt chẽ bởi những quy luật. Những nhịp thơ chẵn, những nhịp điệu quen thuộc, những câu ngâm vịnh, những điệu ru mơ, những khúc tâm tình, với những gì yên ả, nồng nàn, đẹp đẽ nên thơ ít xuất hiện hơn. Thay vào đó, nhịp thơ tồn tại tự do trong tổ chức câu thơ, đoạn thơ và bài thơ, do cảm xúc của nhà thơ chi phối. Nhịp thơ đương đại là nhịp lòng của nhà thơ, nhịp của tâm hồn rung lên trước hiện thực, sẵn sàng bộc lộ những cảm xúc, những suy ngẫm về cuộc đời.

Nhà phê bình Nguyễn Đăng Điệp đã tiến hành phân biệt các khái niệm hữu quan như ngữ điệu, nhịp điệu, nhạc điệu. Ở đây, tác giả cho rằng nhịp điệu chịu sự chi phối của giọng điệu, giọng điệu được bộc lộ qua nhịp điệu và ngữ điệu bởi bất cứ câu thơ nào cũng chứa điệu hồn tác giả. Theo đó, tìm hiểu nhịp điệu trong thơ là cần thiết, và có thể được tiến hành ở các cấp độ: sự bố trí các âm vị, hình vị trên dòng ngữ lưu và trên bề mặt văn bản thơ; hoặc mối quan hệ giữa việc phát ngôn với biểu ý khi làm thơ, đọc thơ. Điều này cho

thấy, tìm hiểu nhịp điệu khó có thể tách rời với ngôn điệu và giọng điệu. Câu thơ dài ngắn, nhịp thơ nhanh – chậm phụ thuộc vào hơi thở, điệu hồn của người sáng tạo. Giọng điệu, ngôn điệu thế nào thì nhịp thơ thế ấy. Không phải ngẫu nhiên khi giọng điệu chậm rãi, buồn bã thì nhịp thơ rời rạc; khi giọng điệu hào hùng thì nhịp thơ gọn chắc.

Như vậy, nhịp thơ đương đại chính là nhịp diễn xuất, nhịp tự do của trái tim đương đại, là nhịp của chủ thể, biểu hiện rõ ràng cá tính của chủ thể, bộc lộ tư duy và cảm xúc sống động của chủ thể.

Nhìn vào các tác phẩm của các nhà thơ đương đại, ta thấy thơ của Trần Dân, Đặng Đình Hưng, Dương Tường, nhóm Mở miệng... là thơ hướng đến các trò chơi ngôn ngữ; thơ của Dư Thị Hoàn, Nguyễn Quang Thiều, Nguyễn Quỳn, Vi Thùy Linh,... là thơ hướng đến các trò chơi ngữ nghĩa. Thơ của Nguyễn Trọng Tạo hướng đến trò chơi diễn trò như đồng dao và hướng về thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc. Trong khi đó, thơ Ly Hoàng Ly lại hướng đến trò chơi trình diễn, dán ghép,... Ở mỗi trò chơi, nhịp điệu thơ được hiểu như là vận động của sinh thể nghệ thuật đều bộc lộ những điểm độc đáo, mới mẻ, mang đậm dấu ấn phong cách của nhà thơ.

Thử đọc những câu thơ của Nguyễn Trọng Tạo, ta thấy nhịp thơ 2 – 3 xen kẽ nhau trong những dòng thơ đã đẩy hơi thơ nhanh, mạnh và dồn dập hơn. Cái tình yêu mà Nguyễn Trọng Tạo muốn thể hiện được những nhịp thơ nhanh mạnh ấy làm bật dậy những cảm xúc mãnh liệt. Câu thơ cuối với nhịp được giãn ra dài hơn, chính là quá khứ êm đềm đang hiện về trong tâm tưởng của Anh và Em:

Xanh nụ hôn// khẽ chạm// mỉm cười xanh

hôn xoáy lốc// nồng nàn// đường cong// thân thể bão

em// như em// mười bảy

anh// như vừa hai mươi

*lá còn xanh// đêm Hoàng Việt trinh nguyên// âm nhạc// bỗng xanh
về*

(*Xanh* - Nguyễn Trọng Tạo)

Với Nguyễn Trọng Tạo – con người đa tài khi bén duyên với cả văn thơ và âm nhạc – ông cứ “nâng trên tay những âm thanh, nhịp điệu kết thành con chữ luôn luôn ngộ ngậy, chấp chới vỗ cánh chỉ định bay lên mà bay xa, khoan thai chững chạc như chẳng có gì vội vã. Anh đã đi những bước chân vững chắc và đỉnh đạc của số mệnh lúc chậm lúc nhanh, lúc nhẹ nhàng, lúc nặng trĩu lướt trên số phận cuộc sống mỗi con người, tựu trung là những bước đi định sẵn rất ráo riết và quyết liệt” [4]:

tạ từ.// Ai// tạ từ// tôi

chập chờn// Tiên Nữ// nói cười xa xăm

(*Tạ từ* - Nguyễn Trọng Tạo)

Nhà thơ tạo ấn tượng thính giác bằng cách đổi cấu trúc nhịp thơ 2/2/2 ở câu 6 sang nhịp 2/1/2/1 khiến tiết tấu câu thơ dường như rất mới, thấy được tâm

trạng vừa dứt quãng, vừa dồn nén trong phút tạ từ. Trong một đoạn khác, Nguyễn Trọng Tạo lại sử dụng thơ theo nhịp dứt khúc, tạo ấn tượng mới trong cấu trúc đoạn:

em!

bức tranh// tình không năm tháng

em!

mùa xuân// chiêm hữu// sắc màu tôi

(Bức tranh tình – Nguyễn Trọng Tạo)

Thơ Nguyễn Trọng Tạo mang tâm hồn đa mang, sâu cảm nên thơ của ông chứa đầy nhạc tính. Và những nhịp lẻ, dứt khúc chỉ là số ít trong thơ ông. Nguyễn Trọng Tạo làm thơ du dương, vang động đầy tính nhạc, đầy những rung động tinh vi khi hầu hết sử dụng nhịp chẵn của thơ ca truyền thống, của cái loại nhịp gắn liền với ngôn điệu Việt Nam:

Có cha// có mẹ// có trẻ// mô cô

Có ông trăng tròn// nào phải mâm xôi

...

Có thương// có nhớ// có khóc// có cười

Có cái chớp mắt// đã nghìn năm trôi

(Đồng dao cho người lớn – Nguyễn Trọng Tạo)

Hay:

cỏ may// không hện// mà xanh

tim ta// khâu vá// cho lành nhớ thương

ngang trời// hoa cỏ// đâm sương

lành quanh sân thượng// mà thương cánh đồng

(Cỏ may trên sân thượng – Nguyễn
Trọng Tạo)

Câu, chữ lục bát cứ ngân nga, dặt dìu khiến người đọc như không dứt ra được giai điệu nhẹ nhàng, trầm lắng mà tự nhiên, da diết của nó. Câu thơ mang nhịp chẵn cứ trôi một cách ung dung thư thái, nhưng lại mang nhiều lắng đọng, gợi ra trước mắt những suy nghĩ nhẹ nhàng nhưng không kém phần khiến người đọc phải trầm trồ. Nguyễn Trọng Tạo đã đến với thơ đương đại bằng những thể thơ lục bát truyền thống mang hơi thở của đương đại, nội dung của đương đại. Những nhịp chẵn, nhịp lẻ thỏn thức trong thơ ông như chính trái tim ông vậy: trầm trồ và suy nghĩ về cuộc đời, và đem cái trầm trồ ấy gieo vào lòng người đọc, lúc nhẹ nhàng an nhiên, lúc lại trúc trắc gập ghềnh, khiến độc giả không khỏi cuốn theo những suy nghĩ của nhà thơ.

Không nhẹ nhàng như nhịp chẵn trong thơ Nguyễn Trọng Tạo, nhịp trong thơ Vi Thùy Linh biến hóa đa dạng, khôn lường, thể hiện sâu sắc giọng điệu của

một nhà thơ với tiếng nói của tự do, của ngổn ngang và rậm rạp một nguồn cảm xúc dữ dội, cuồng nhiệt, của bản năng, của ý thức về phái tính, mang âm hưởng nữ quyền cao.

Vi Thùy Linh dùng nhịp thơ chẵn, nhịp 2/2, nhưng không phải nhịp của sự êm ái, mà là nhịp mang sức nặng mạnh mẽ của sự phân đôi, sự chia cách. Một bên là Em với nỗi khát khao trên con đường tìm Anh, một bên là Anh xa hơn “mặt trời” để em vẫn mãi đuổi theo:

Khóc người// mệnh bạc

Em // vẫn tìm Anh

Tìm trong// bóng đêm

Tìm ngày// nắng rát

Hơi thở// cũng lạnh

Mặt trời// mặt trời

Mặt trời// quá xa

Anh// còn xa hơn

Em tìm// bằng tim

Anh// đừng đi nữa

(*Nhật thực – Vi Thùy Linh*)

Hay đôi khi quay về nhịp chẵn 2/2 vui tươi, hồn nhiên, trong sáng của thơ đồng dao:

Nu na// nu nống

Trái đất// nằm trong

Trẻ con// quay vòng

Nói liền// thế giới

Mùa đông// thật ấm

Noel// cho em

Noel //lung linh

Bình boong// náo nức

Xoa dịu// đón đau

Võ về// thiếu thốn

Xua tan// tủi sầu...

(Giáng sinh con – Vi Thùy Linh)

Bên cạnh đó là nhiều bài thơ với những dòng thơ dài, nhịp thơ được kéo giãn để thể hiện trọn vẹn mạch cảm xúc đang dâng trào của thi sĩ:

Nếu cả thế giới// loài người đều yêu nghệ thuật và thơ hay, // sẽ không còn cái ác//

Nhốt lại những trái ngang,// đòi đòi cho những bà goá bụa// những ông trắng tóc héo da cô độc,// những người thất cơ lỡ vận đói khát thiên thai tha hương,// những kẻ lường tính mất phương hướng,// những nông dân mất mùa ngón chân gầy như củ lạc còi bám vào ruộng cạn//

Trái đất óm yếu vì văn minh//

Thế giới thiếu chất thơ// nên loài người bị kịch//

Thế giới khô cằn// thế giới cần khôi phục

Thi sĩ là hoàng đế siêu năng của cuộc đời// không bao giờ thiếu được!

(Hãy phủ thơ khắp thế giới của em – Vi Thùy Linh)

Lại có những bài thơ với cách đột nhiên xuống dòng với nhịp thơ bị ngắt đứt từng nhịp một, làm ta sững sốt, ngỡ ngàng trước cảm xúc của nhà thơ:

Em//

Roi//

Xuống//

Theo từng tiếng nắng// bơ vơ

(Nơi ánh sáng – Vi Thùy Linh)

Hay:

Em tức tưởi// trở về //khoảng trời bóng đỏ

Bóng// chèn nhau

vỡ

Lòng em

vỡ

*Em làm lữ// lại đến trước nhà Anh// nhật xác// nỗi buồn vừa
rơi*

Đốt lên// thành lửa

Rời đi

Sau lưng em// ngày nắng tắt

(Từ phía ngày nắng tắt – Vi Thùy Linh)

Nhịp thơ không liên tục, không đều đặn mà bị vỡ ra thành những phần mảnh, đan xen nhịp chẵn – lẻ, dài – ngắn, cho chúng ta thấy được tâm trạng đau đớn, dằn vặt trong lòng người thiếu phụ.

Thơ của Ly Hoàng Ly là tiếng nói chân thành, tha thiết của một tâm hồn thiên tính nữ dịu dàng nhưng cương quyết, mỏng manh nhưng mạnh mẽ. Vì thế, nhịp trong thơ chị biến thiên khá đa dạng, nhịp chẵn xen kẽ nhịp lẻ một cách linh hoạt:

Mỏng mỏng mong// bánh xe

Xe// mỏng mỏng mong// bánh xe

Gói mưa// vào lá chuối

Hôm sau// ra chợ bán

Lá chuối khô// mưa //mốc

Người bán hàng// mặt hốc

Gói đêm// vào lá chuối

Ban trưa// ra chợ bán

Lá chuối héo// đêm bay đi

Người bán hàng// ngơ ngẩn// ngẩn ngơ

(*Mỏng mỏng mong* – Ly Hoàng Ly)

Hay lúc thì mạnh mẽ và cương quyết với nhịp thơ ngắn, lúc lại nhẹ nhàng dàn trải với những nhịp thơ dài:

Tôi muốn

Căn nhà tôi ở// tỏa hương ngào ngạt

Những cành lá trong vườn// giữ chất diệp lục lên da mặt

Để tôi// lúc nào cũng xanh men mét

Tôi muốn

Biến thành thiên thần xanh// trên cao bông bênh

*Nhìn ổ trứng cuộc đời// nở trên những người thân của
tôi*

Trong căn nhà// ngợp hương hoa

Tôi sẽ chỉ nhìn

Và lặng im// vĩnh viễn

Tôi muốn

Đêm đào đất lên ăn // đất cào đêm xuống nuốt

Đất, // đêm // hòa làm một

Đen, // đen

Mù mịt

Sinh sịch

Những cơn mê quất vụt!

(*Tôi muốn* – Ly Hoàng Ly)

Với giọng điệu giàu suy ngẫm, nhịp thơ Nguyễn Quang Thiều cũng kéo dài ra như chính những nghĩ suy triền miên của ông. Những bài thơ của Nguyễn Quang Thiều hầu hết đều chứa những câu thơ dài, nhịp điệu thư thái, chất chứa nhiều tâm sự. Những nhịp ngắn, nhanh, mạnh mẽ, dứt khoát hầu như rất ít xuất hiện trong thơ ông:

Đâu đây//, một cánh bướm run rẩy//, trong hơi thở tháng Giêng

Một cánh bướm như không có// bởi mỏng hơn cả sự mơ hồ

Nhưng đã mở ra//, ở đâu đó//, một cánh bướm có thật

Không bởi màu sắc rực rỡ// mà bởi như hơi nước đang tỏa

(*Những cánh bướm* – Nguyễn Quang Thiều)

Thơ triết lý Nguyễn Quang Thiều với những nhịp thơ dài tạo nỗi niềm man mác, cái buồn da diết khi mong nhớ về một miền đất mẹ. Nhịp thơ dài đầy câu thơ dài ra hơn, như chính cái niềm mong nhớ không có điểm dừng:

Đâu đây// có tiếng nói mê đàn ông// bên mái tóc đàn bà

Đâu đây// thơm mùi sữa bà mẹ// khe khẽ tràn vào đêm

Đâu đây// những bầu vú con gái tuổi mười lăm// như những mầm cây đang nhol lên khỏi đất

Và đâu đây// tiếng ho người già// khúc khắc

Những trái cây chín// mê ngủ// tuột khỏi cành// rơi xuống

Góc vườn khuya// cỏ thức một mình

(Bài hát về cố hương – Nguyễn Quang Thiều)

Như vậy, nhịp trong thơ đương đại là nhịp diễn xuất. Vì không bắt buộc theo những khuôn nhịp cứng nhắc, nên nhịp trong thơ Việt Nam đương đại không những trôi tự do theo cảm xúc của người sáng tác, mà nó còn thể hiện rõ phong cách, giọng điệu riêng của từng nhà thơ. Đồng thời, ngược lại, chính phong cách, giọng điệu và cảm xúc của nhà thơ là yếu tố chi phối, quyết định nhịp thơ đương đại.

1.3. Những phương thức ngắt nhịp trong thơ Việt Nam đương đại

Thông thường nhịp điệu truyền thống bao giờ cũng có áp lực lớn lôi kéo người đọc, nhất là người đọc không phải là nhà thơ. Theo quán tính cứ gặp những thể thơ quen thuộc, trong tâm thức người Việt lại vang lên nhịp điệu có sẵn 2/2 (thơ 4 chữ), 3/2 hay 2/3 (thơ 5 chữ), 2/2/3 (thơ 7 chữ), 2/2/2... (thơ lục bát). Chạm vào thơ đương đại với tinh thần cách tân, mang nhiều cái mới của phương Tây, cùng với đó là yêu cầu đọc bằng mắt bởi sự phát triển của “thế giới phẳng” và sự đổi mới “con mắt người thơ”, do đó, như một sự cách tân về phương thức tổ chức tác phẩm, cấu trúc nhịp thơ cũng thay đổi, cũng hòa tan vào toàn bộ cơ thể tác phẩm nghệ thuật thơ. Dù trong thơ tự do, thơ

lục bát hay những thể thơ 4 chữ, 5 chữ, 7 chữ, nhịp thơ đương đại vẫn không rõ ràng, không theo khuôn khổ quy củ, mà bị chi phối bởi giọng đọc, điểm dừng ngữ nghĩa. Ngoài 10 nguyên tắc ngắt nhịp đã nêu ở chương một, nhìn một cách tổng quát, nhịp thơ đương đại được chi phối bởi những hình thức ngắt nhịp hiện đại trên ba cơ sở chính: hình thái văn bản, cú pháp và dấu câu. Đây là những hình thức ngắt nhịp phổ biến và là những nét mới trong đặc điểm nhịp thơ đương đại.

1.3.1. Ngắt nhịp trên cơ sở hình thái văn bản

Nhịp điệu được kết hợp bởi những chi tiết thị giác và âm thanh ngôn ngữ. Khi cú pháp cũng như những niêm luật trong thơ bị phá vỡ, ngôn ngữ thơ sẽ rơi thành từng phân mảnh. Nó mất đi cái nền để chuyển động, và như một quán tính, nó sẽ hòa nhập cùng dạng thức thị giác, nương theo chiều dài của hơi thở và âm vực mỗi âm tiết để khơi dậy cảm xúc và tưởng tượng bên trong nhà thơ và người đọc.

Ảnh hưởng từ chủ nghĩa Hậu hiện đại cũng như những lối thơ kết hợp các thể loại nghệ thuật, cùng với đó là nhu cầu đọc thơ bằng mắt của thời đại công nghệ thông tin, các nhà thơ càng lúc càng “để ý” hơn tới hình thức thơ, tận dụng hình thái văn bản thơ để hỗ trợ đắc lực cho ý thơ của mình.

Chính vì thế, ở thơ đương đại, ngoài sự kết hợp giữa âm thanh âm tiết và cú pháp văn phạm, còn có thêm nhịp điệu thị giác. Đọc thơ đương đại, bước đầu phải nhìn và ghi nhớ hình dạng bài thơ, cách ngắt dòng, dẫn dòng, khoảng cách của từng dòng... khi nghe, hình dạng bài thơ hiện ra trong ký ức và người đọc cùng một lúc tiếp nhận được cả nhịp điệu thị giác lẫn thính giác.

Vận dụng hình thái văn bản thơ để phân phối nhịp điệu trong bài thơ là việc khá phổ biến trong thơ đương đại, nhất là những cây bút viết theo chủ nghĩa Tân hình thức. Trên trang mạng xã hội của thơ Tân hình thức xuất hiện khá nhiều bài thơ được trình bày theo dạng hình tròn, hình vuông,... với những ký tự “lộn xộn” như ngôn ngữ mật thư khiến người đọc khó tiếp nhận; một số bài thơ được trình bày theo dạng bậc thang liên tiếp như sau:

Tao không muốn mày làm thơ tình buồn

Tao không muốn mày làm thơ tình

Tao không muốn mày làm thơ

Tao không muốn mày làm

Tao không muốn

Tao không

Tao

T

(Ở nơi ấy, nhà thơ - Cảm tác từ Afghanistan)

Hình thái thơ bậc thang theo từng bậc ngắn dần có tác dụng thúc đẩy nhịp thơ ngắn dần, hơi thở thơ càng lúc càng nhanh, càng gấp khiến người đọc có cảm giác tức nghẽn nơi cổ họng, không tìm ra được lối thoát. Đó cũng là cảm giác

giằng xéo, đấu tranh giữa hai thái cực: không muốn nhưng mà muốn đẩy, muốn đẩy nhưng mà lại không muốn.

Tuy nhiên những hình thái văn bản thơ như đã nhắc ở trên không chiếm đa số và nhiều hình thái còn chưa được sự đón nhận của đa số những người làm nghệ thuật. Phương thức được sử dụng nhiều nhất để hỗ trợ cho nhịp điệu của thơ đương đại đó chính là cách trình bày thơ theo dạng bậc thang không liên tiếp. Qua khảo sát 659 bài thơ của bốn tác giả, có 39 bài thơ sử dụng cách trình bày dạng bậc thang, tạo nên 137 dòng thơ bậc thang, chi phối quy luật ngắt nhịp trong thơ đương đại.

Chúng ta bắt gặp cách trình bày thơ bậc thang trong thơ Nguyễn Quang Thiều. Dù trong thơ Nguyễn Quang Thiều, những suy ngẫm về đời cùng những nhịp thơ dài với câu thơ văn xuôi rất hiếm khi xuất hiện:

Ra đi từ hồ nước cũ

Con đường

Con đường

Con đường

(Lẽ tạ - Nguyễn Quang Thiều)

Lỗi thơ bậc thang này khiến nhịp thơ được ngắt ra rõ ràng, dù vẫn là nhịp 2/2/2 ở ba dòng cuối, nhưng từ cách nhìn đến cách phát âm, ta có cảm giác nhịp thơ sau dài hơn nhịp thơ trước, nối tiếp nhịp thơ trước. Nhờ đó mà tính

nhạc được vang lên ngân nga, hình ảnh con đường cứ dài ra dài ra, con đường này nối con đường kia đến xa tít.

Nguyễn Trọng Tạo đến hiện đại từ truyền thống, dù lựa chọn sự trở về với “ngôn ngữ thơ ca nhịp chẵn của dân tộc”, vẫn làm thơ ở thể lục bát như một cơ duyên tiền định, Nhưng ở trên nền thơ lục bát ấy, ông không chỉ làm mới nội dung thơ mà còn lạ hóa khuôn hình sáu tám bằng hình thức xuống thang:

Như là// tôi đã một lần

nói yêu em

đọc mùa xuân

hai người

(Thư tình gửi người không quen – Nguyễn Trọng Tạo)

Hình thức xuống thang của câu tám không chỉ là cách làm lạ hóa mang tính hình thức mà là hình thức mang tính nội dung, tạo nên hiệu ứng từ cách ngắt nhịp đến sự thay đổi giọng đọc. Những câu chữ tác động đến giọng điệu, giọng điệu lại khơi bật những cung đường cảm xúc. Và do đó, cảm xúc được truyền trực tiếp từ ý thơ đến người đọc. Người đọc không chỉ cảm nhận được tình yêu có chút dè dặt nhưng sâu lắng của nhân vật trữ tình qua ý nghĩa của ngôn từ mà còn qua ấn tượng thị giác.

Những biến chuyển trong “phép chia” lạ thường dưới đây không chỉ tác động đến chúng ta qua ý nghĩa ngôn từ mà còn qua con mắt nhìn văn bản thơ:

chia cho em // một đời tôi

một cay đắng

một niềm vui

một buồn

tôi còn // cái xác không hồn

cái chai không rượu // tôi còn // vỏ chai

chia cho em // một đời say

một cây si

với

một cây bồ đề

tôi còn đâu nữa // đam mê

trời chang chang nắng // tôi về héo khô

(Chia – Nguyễn Trọng Tạo)

Ta còn bắt gặp hình thức thơ bậc thang không liên tiếp này khá nhiều trong thơ Vi Thùy Linh và Ly Hoàng Ly:

Không biết lạc vào đâu

Con

roi

xuống

dòng sông đỏ đang chuyển dịch bóng những vì sao

(Những đôi lập – Vi Thùy Linh)

Đỏ

chiều

từ

trên

cao

Sài Gòn// theo lối về // men dần lòng chảo

(Thung lũng Anh và Em – Vi Thùy Linh)

Những bậc thang thơ đã hình thành từng nhịp 1, tạo nhịp thơ gọn, nhanh, đẩy hình ảnh thơ lên sự chơi vui, hụt hẫng giữa không trung không có lấy một điểm tựa. Thể hiện mạnh mẽ cảm xúc của nhà thơ.

1.3.2. Ngắt nhịp trên cơ sở cú pháp

Trên cơ sở cú pháp, ngoài những nguyên tắc ngắt nhịp truyền thống theo cấu trúc ngữ pháp của dòng thơ như đã đề cập ở chương 1, trong thơ đương đại, chỗ ngắt nhịp còn được chú ý bởi những yếu tố vắt dòng và yếu tố điệp cú pháp.

1.3.2.1. Yếu tố vắt dòng

Thơ đương đại không còn kết cấu khổ vuông như thời kì trước đây nữa mà hầu như ở các bài thơ đều có hình thức thể hiện là những câu thơ dài ngắn đan xen. Hiện tượng vắt dòng diễn ra trong 219 bài thơ trên tổng số 659 bài thơ được khảo sát, xuất hiện trên 1782 dòng thơ. Khi dùng cách vắt dòng, nhà thơ phá đi cách đọc dừng lại ở cuối dòng, người đọc bị thúc đẩy đi tìm lại phần đã mất của câu thơ với tốc độ đọc nhanh hơn, và phải đọc bằng mắt. Cái khoảng trống được tạo ra bởi hai thành phần cấu trúc gắn liền nhau của dòng thơ. Thế nhưng cái khoảng trống lại chẳng trống không vì những chuyển động không ngừng của cái biết và chưa biết, đè lấp lên nhau. Lối viết vắt dòng tạo nên sự đột biến cảm trong cảm xúc thơ. Các khoảng lặng gây sự chú ý kéo dài. Điều đó dẫn tới trường hợp có những bài thơ trong tập thơ không có lấy một chữ viết hoa dù là chữ đầu dòng, đầu câu. Thơ đã bật lên từ sự vụn vẹo và phức tạp của văn phạm và cú pháp, tạo thành nhịp điệu thơ.

Ta hãy đọc một đoạn thơ của Ly Hoàng Ly:

Nhạc cuốn vào người// sóng

Nhạc xiết lên da thịt // như dây thép

Không nói không rằng

Những son môi // sướt miệng Heineken

Xanh óng ánh

để lại chất

dính dính

(Discotheque - Ly Hoàng Ly)

Nếu không có sự vắt dòng ở bốn dòng cuối, có lẽ người đọc dễ ngắt nhịp như sau: “*Những son môi// sướt miệng Heineken xanh óng ánh// để lại// chất dính dính*”. Và khi đó, câu thơ sẽ không mang được nhịp điệu thơ, không có chất thơ, mà mang đậm màu sắc của văn xuôi. Một câu thơ chẳng có gì đặc biệt. Tuy nhiên, sử dụng phương thức vắt dòng, Ly Hoàng Ly gọi ra nhịp điệu của hồn thơ, tạo một sợi dây liên kết nối giữa tác giả và người đọc, nhấn mạnh hình ảnh thơ “xanh óng ánh” và trạng thái “dính dính”. Chính hai hình ảnh được nhấn mạnh này làm toát lên tính chất của một đêm nhạc disco với những điệu nhảy, những cảm xúc da thịt.

Đọc bài thơ *Lô Lô*, những cảm xúc căng thẳng, dồn nén, đứt đoạn được thể hiện một cách rõ ràng trong việc đếm những hạt mưa. Chị không đếm theo nhịp “*hai một// hai hai// hai ba//..*” mà lại đếm theo nhịp “*hai// một// hai// hai// hai// ba//...*”:

Đêm nay có bao nhiêu hạt mưa nhỉ// một – //hai –//ba

bốn –// năm – //sáu – //bảy

tám - //chín

*mười – //mười một –// mười hai – //mười ba – //mười bốn –
//mười lăm – //mười sáu – //mười bảy*

mười tám

mười chín – //hai mươi

hai

một

hai

hai

hai

ba

hai

bốn

hai

lăm

hai

sáu

hai bảy //hai tám //hai chín

Chỉ có hai mươi chín hạt mưa rơi //cũng thành bão rồi

Hai mươi chín hạt mưa rơi //cũng làm đầy sắc đêm

(Lô lô – Ly Hoàng Ly)

Trong suốt bài thơ “*Câu nguyện ở thánh đường Thomas More*”, những câu thơ vắt dòng trải dài hết tác phẩm của Nguyễn Quang Thiều:

*Thế gian// những dòng sông chảy,// những cây thông thì thâm,// những
đứa trẻ khóc,// những chàng trai chết,// những đàn bà//*

sợ hãi,// những ô cửa chạy trốn vào những hốc mắt.//

Thánh đường Thomas More// ngọn nến run rẩy.// Những ngôi sao//

*xa xôi.// Một con đường ngập máu// một bàn tay nhỏ bám chặt những
ngọn cỏ như bám tóc người mẹ.//*

Thế gian// vẫn trôi một nửa trong bóng tối//. Một con chim//

trong lùm cây không ngủ// đều đều tiếng kêu buồn bã.//

*Những người thiên chúa giáo,// những người hồi giáo,// phật giáo// vẫn
rì rầm//*

lời nguyện cầu// và // người đàn ông xa lạ vẫn đứng trong góc tối thánh đường// đôi mắt khép lại như thiếp ngủ.

(Cầu nguyện ở thánh đường Thomas More – Nguyễn Quang Thiều)

Giữa những câu thơ kéo dài như văn xuôi, nhịp thơ cũng kéo dài, Nguyễn Quang Thiều đã sử dụng phương thức vắt dòng, tạo những nhịp thơ ngắn xen kẽ với ý nghĩa thơ bị đứt đoạn. Người đọc vừa phải dừng lại, vừa phải đọc nhanh hơn để đi đến ý thơ còn bỏ ngỏ. Nhịp thơ dài ngắn đan xen đã khiến câu thơ có điểm nhấn, khiến cho những hình ảnh liên tiếp được nhắc đến vẫn có cái bị gài lại. Câu thơ trở nên trúc trắc hơn, thể hiện tâm trạng hoang mang, đa cảm của nhà thơ.

Vi Thùy Linh khi thể hiện tình yêu nồng thắm, cô đã dùng cách thức thơ vắt dòng, nhịp cứ vắt từ dòng này sang dòng khác, thể hiện sự khao khát có Anh một cách trọn vẹn, để Anh không biến mất khỏi Em trong bất cứ giây phút nào:

Cứ thế // họ

đối diện với cỏ

Sẽ thấm thía hơn // về đời sống của mình

Khi// em

Biết nhắm mắt lại

Áo tưởng // Anh nằm bên

Em

có Anh //cả khi đóng mắt

Và khi //các đôi lứa

Biết quý //từng giây phút

Thế giới cứ mãi //mùa màng cứ mãi

(Phối cảnh của ký ức – Vi Thùy Linh)

Còn đây là những câu thơ của Nguyễn Trọng Tạo:

Những bông tường vi //nở lẫn cùng hoa giấy

những con đường

đi

không dấu chân

viên sỏi nhỏ //trong gót giày //đêm đêm

sẫm nâu// và mòn trơn.

(Thành phố không người quen – Nguyễn Trọng Tạo)

Nguyễn Trọng tạo đã rất tài tình khi vắt dòng để tạo nhịp thơ theo: “*những con đường// đi// không dấu chân*”. Nếu để chúng nằm trong một dòng thơ, người đọc thường sẽ ngắt nhịp 4/3: “*Những con đường đi// không dấu chân*”.

Như vậy, câu thơ sẽ không diễn đạt được ý mà nhà thơ hướng đến: ở con đường nơi thành phố không người quen ấy, người khách lữ hành đang độc bước, và dù anh có đi qua, con đường ấy vẫn không dấu chân anh, bởi nó quá xa lạ, có đi qua thì cũng như là người mới tới. Nhịp thơ gắn liền với ngữ nghĩa, mỗi cách ngắt nhịp lại cho ta một cách cảm thơ khác nhau.

Việc sử dụng câu thơ vắt dòng không chỉ giúp tác giả thể hiện hết những cung bậc cảm xúc của mình mà ở đây, như một yếu tố của nghệ thuật sắp đặt, các tác giả thơ đương đại còn trình bày với người đọc (người xem) một trò chơi câu chữ, những dòng thơ dài ngắn khác nhau với những câu thơ được tách ra thành nhiều dòng biến người đọc trở thành khán giả trước sân khấu. Cũng vì thế, nhiều tác phẩm thơ đương đại không chỉ để ngâm, để nghe mà còn để đọc, để ngắm, để thẩm thía từng câu chữ và để tâm hồn mình lặn vào những cảm xúc của nhà thơ.

1.3.2.2. Yếu tố điệp cú pháp

Phương thức thứ hai hỗ trợ sự phân bố nhịp điệu đó chính là phương pháp điệp cú pháp. Bài thơ được tổ chức bởi những dòng âm tiết, mỗi âm tiết là một nhịp đập. Khi sử dụng phương pháp điệp cú pháp, số nhịp đập và âm tiết sẽ cùng lặp lại, hình thành những chùm âm thanh, tạo sự hài hòa, vang vọng.

Thực tế, trong thơ ca Việt Nam trước đây, phương pháp này đã xuất hiện, là một trong những biện pháp tu từ, tạo tiếng nhạc cũng như sự liên kết chặt chẽ cho ý thơ. Tuy nhiên, phương pháp lặp cú pháp thật sự phát triển mạnh mẽ nhất là trong thơ đương đại hiện nay. Khi mà vần điệu được nói lỏng, hiệp vần ít hơn, câu thơ được buông thả tự do thì việc lặp cú pháp là một trong

những phương thức hình thành nên nhịp điệu của bài thơ, có phần thay thế cho vai trò của vần đối với nhịp điệu.

Khảo sát các tập thơ, người viết nhận thấy các nhà thơ thường sử dụng cấu trúc điệp trong các bài thơ, đặc biệt là ở thể thơ tự do. Trong số 659 bài thơ có 102 bài thơ sử dụng cấu trúc điệp cú pháp. Tỷ lệ số dòng thơ chứa cấu trúc điệp này chiếm 2,69% so với 17 169 dòng thơ đã khảo sát.

Trong *Bài ca những con chim đêm*, cuộc sống được nhà thơ Nguyễn Quang Thiều đồ đầy bằng từng đời sống riêng biệt của từng sự vật:

Như chỉ còn// con tàu nhỏ ngủ im lìm trên bến

....

Như chỉ còn //sóng rì rầm,// như chỉ còn// lại nước

Như chỉ còn// xa xăm thêm thiệp những quả đồi

Như chỉ còn// gió đi qua rừng bạch đàn thâm tối

...

Như chỉ còn// một người già đau răng âm ỉ

...

Như chỉ còn //một mình tôi,// như chỉ còn// một bàn tay

(*Bài ca những con chim đêm* – Nguyễn Quang Thiều)

Cấu trúc “*Như chỉ còn + mệnh đề*” lặp lại 13 lần đã đánh dấu nhịp thơ, tạo cách ngắt nhịp thơ đều đặn giữa các dòng, hiển hiện lên một thế giới trống rỗng, các sự vật bị cầm tù, đơn độc. Thế giới tưởng chừng như đã chết. Nhưng rồi giữa cõi âm u, đò nát ấy, nhà thơ bỗng lắng nghe tiếng chim đêm, tiếng ca trong giấc mơ mong manh của bầy trẻ. Thế giới như bừng tỉnh trong tiếng chim khai sáng, những giá trị trinh nguyên của buổi ban sơ được phục sinh thoát khỏi những tha hoá và ngộ nhận, ảo tưởng. Thế giới trở nên một cái nền thanh bình calm lặng để vút lên tiếng chim rền rĩ “*xối vào không gian*”, “*rồng lên làm hoảng sợ những vòm cây*”. Tiếng chim đêm bỗng trở nên dữ dội, bi hùng tạo ấn tượng về sự quật khởi, bi hùng của cái đẹp.

Thơ Nguyễn Trọng Tạo cũng dùng nhiều những điệp từ, điệp câu. Như trong bài *Đồng dao cho người lớn tác giả lặp lại mười hai lần cấu trúc đoạn với từ mở đầu “có”*:

có cha// có mẹ// có trẻ mồ côi

có ông trăng tròn// nào phải mâm xôi.

có cả đất trời // mà không nhà ở

có vui nho nhỏ// có buồn mênh mông.

mà thuyền vẫn sông// mà xanh vẫn cỏ

mà đời vẫn say // mà hồn vẫn gió.

có thương// có nhớ// có khóc// có cười

có cái chớp mắt// đã nghìn năm trôi.

(Đồng dao cho người lớn – Nguyễn Trọng Tạo)

Điệp từ “*có*” giống như từ khóa cho những nhịp thơ, đánh dấu cho những nhịp thơ chẵn xuyên suốt cả bài thơ, tạo nhịp thơ sóng đôi 2/2/2/2 hay 4/4.

Hay trong bài *Không dung*, Nguyễn Trọng Tạo cũng đã sử dụng điệp từ để bộc lộ nhịp lòng của mình:

không dung// em// khóc dưới cội me

không dung// tôi// dừng lại lắng nghe

không dung// tiếng vạc// kêu thảm thiết

không dung// đang// buồn vui ly biệt

(Không dung – Nguyễn Trọng Tạo)

Ta thử đọc *Phòng trắng* của Ly Hoàng Ly:

Tôi// trong phòng trắng

Tại sao// to tiếng với tôi

Tại sao// nhìn tôi hần học

Tôi// trong phòng trắng

Tại sao// ông ẹo với tôi

Tại sao// cầm tay tôi// rồi giật giật

Tôi// trong phòng trắng

Tại sao// uống nước mắt tôi

Tại sao// cài tóc tôi vào lược

Tôi// trong phòng trắng

Tại sao// bẹo má tôi

Tại sao// rót đầy bia vào giày tôi

Tôi// kêu gào

Không ai// nghe thấy tôi

Không ai// nhìn thấy môi tôi cử động

Tôi // trong phòng trắng

Tại sao// giận dữ với tôi

Tại sao// ném rau xanh vãi khắp người tôi

Tôi// trong phòng trắng

Tại sao// đi ngang qua tôi mà không thèm nhìn

Tại sao// làm cho tôi thương tổn

Tôi// trong phòng trắng

Không ai// nhìn thấy tôi

Không ai// nhìn thấy phòng trắng

Tôi// cũng không nhìn thấy tôi

Tôi //cũng trắng như phòng trắng

Tại sao //tôi lại trắng// và lại trong phòng trắng

Đó mới chính là câu hỏi phải được hỏi// ngay từ đầu

*Nhưng vì đầu tôi cũng trắng// nên tôi không có câu trả
lời.*

(Phòng trắng - Ly Hoàng Ly)

Với việc lặp lại hàng loạt các cấu trúc tạo nhịp chẵn (2) và nhịp lẻ (1) đã làm bài thơ mang âm thanh của một phần điệp khúc trong bài hát nào đó. Bài thơ mở ra nhiều hướng suy nghĩ cho người đọc. Đây không phải là một giấc mơ, tuy nhiên để cho nhân vật trữ tình bộc lộ sự dần vật, day dứt, dày vò đối với bản thân mình. Nhân vật tôi độc thoại với chính mình, cũng là đối thoại với

mọi người. Mỗi lời thoại là một cung bậc âm thanh và tâm trạng, có khi nhẹ nhàng, có khi gay gắt, có khi tủi thân, có khi van nài, có khi thất vọng:
“Không ai nhìn thấy tôi / Tôi cũng không nhìn thấy tôi / Tôi cũng trắng như phòng trắng”.

Thơ đương đại không có nhiều vần được gieo, nhất là vần chân và vần lưng không nhiều, nên ngôn ngữ thơ đã phát triển theo quán tính của nó. Nó chọn thêm cho mình những hình thức thơ vắt dòng, những điệp cấu trúc, điệp cú pháp để nhấn mạnh sự ngừng nhịp. Nhu cầu thể hiện nhịp lòng qua nhịp thơ của các nhà thơ càng cao, trong khi vần thơ càng được tự do thì hình thức thơ vắt dòng cùng các cách điệp thơ sẽ càng phát triển.

1.3.3. Ngắt nhịp trên cơ sở dấu câu

Cũng giống như phương thức điệp trong thơ, việc sử dụng các loại dấu câu nhằm nhấn mạnh nơi ngắt nhịp thơ từ lâu đã có mặt trong thơ ca Việt Nam. Tuy nhiên, trong thơ truyền thống việc dùng dấu câu (ngoài dấu phẩy) rất hạn chế. Thơ ca truyền thống cho rằng, nếu trong thơ sử dụng dấu ngang nối, chấm phẩy hay chấm hỏi... thì sẽ làm cho câu thơ bị phá vỡ niêm luật. Trong thơ đương đại, với ước mơ khám phá, thể hiện được tốt nhất những cảm xúc, tình cảm của mình, các nhà thơ đã sáng tạo, tìm tòi tạo ra được những câu thơ đặc biệt, phối hợp nhịp nhàng cùng cấu trúc nhịp điệu của câu thơ. Việc mang dấu câu vào trong thơ không chỉ đơn thuần là thực hiện chức năng ngữ pháp mà còn là một ý đồ nghệ thuật đưa lại cho câu thơ, bài thơ giá trị thẩm

mỹ, giá trị về nhịp điệu, tăng khả năng biểu cảm cho câu thơ, bài thơ của mình.

Sau khi nghiên cứu, khảo sát cách ngừng nhịp trong nội bộ dòng thơ đương đại, người viết thấy rằng, thơ đương đại có dùng các dấu câu để ngắt nhịp. Trong số 17.169 dòng thơ đã khảo sát trong 659 bài thơ, có sự xuất hiện 1423 các thể loại dấu câu dùng để ngắt nhịp. Bao gồm: dấu chấm (.), dấu chấm hỏi (?), dấu hai chấm (:), dấu chấm than (!), dấu chấm lửng (...) và dấu ngang nối (-), với số lượng cụ thể như bảng sau:

Bảng 2. Các loại dấu câu trong thơ đương đại

STT	Dấu câu	Số lượng	Tỉ lệ (so với số lượng dòng thơ)
1	Dấu chấm (.)	269	1,57 %
2	Dấu chấm than (!)	165	0,96 %
3	Dấu chấm hỏi (?)	181	1,05 %
4	Dấu hai chấm (:)	94	0,55 %

5	Dấu chấm lửng (...)	358	2,85 %
6	Dấu ngang nối (-)	274	1,59 %
Tổng cộng:		1342	8,57 %

1.3.3.1. Dấu chấm (.)

Trong thơ đương đại, cùng với thể thơ văn xuôi và hiện tượng vắt dòng là hiện tượng xuất hiện dấu chấm câu đột ngột giữa dòng thơ, nó chiếm tỉ lệ 1,57% so với số lượng dòng thơ. Các nhà thơ sử dụng dấu chấm như một hình thức tu từ, nhằm nhấn mạnh chỗ ngắt nhịp thơ, đồng thời tạo sự bất thường từ hình thức đến ngữ nghĩa của câu thơ để đạt được mục tiêu thể hiện trọn vẹn nhất cảm xúc.

Đọc một đoạn thơ của Nguyễn Trọng Tạo, dấu chấm câu giữa dòng thơ đã tạo ra hiệu ứng ngắt nhịp khác nhau một cách mới lạ:

rời xa lắ// Bỏ một trời thương nhớ

ơi mùa thu// áo ấm đã mặc chung

rời biên biệt// Hoa vàng như hơi thở

mimôza// Giọt nắng// Có theo cùng?...

(Mùa thu áo ấm – Nguyễn Trọng Tạo)

Những dấu chấm đột ngột ngắt câu không chỉ gây sự chú ý về hình thức mà còn nhằm nhấn mạnh một ý định, một tâm sự nào đó. Các từ “vàng” với cách viết hoa như đứng đầu một câu càng nhấn mạnh hơn sự héo úa và tàn tạ của một buổi chiều:

chiều rơi.// Vàng tóc. //Vàng da

vàng cây.// Vàng đá.// Vàng ta.// Vàng người

(Chiều rơi – Nguyễn Trọng Tạo)

Nhiều khi, trong cùng một dòng thơ các câu thơ như bị xé lẻ ra như cách viết của Vi Thùy Linh:

Đêm.// Lại ngày.// Lại đêm.// Lại đêm

Sự phân thân

(Hai miền hoa Thùy Linh – Vi Thùy Linh)

Bằng việc sử dụng bốn câu đơn đặc biệt trong một dòng thơ với nhịp thơ 1/2/2/2, nhà thơ đã cho độc giả thấy được sự lặp lại đến nhàm chán của thời gian. Qua đó, càng làm nổi bật được tâm trạng cô đơn, buồn tủi của em.

1.3.3.2. Dấu chấm hỏi (?)

Trong những dòng thơ mang dáng dấp văn xuôi, cùng với dấu chấm, dấu chấm hỏi mang vai trò nhấn mạnh nhịp thơ, đồng thời tạo ra những nhịp điệu

nhANH – CHẬM, thể hiện rõ ràng hơn những cảm xúc thơ so với thơ truyền thống.

Những nhà thơ tự do lựa chọn cho mình những dấu câu phù hợp, để tạo nhịp thơ dồn dập bằng những câu hỏi tu từ:

Đi qua những thế kỷ mất mát, // thân người lại tiếp kiếp mệt nhọc trong mùa đông cuối cùng //

Họ hút hải giữa vòng xoáy nóng bức của thế kỷ // - năm cuối cùng

Họ chờ đợi gì? // Tìm kiếm gì? // Đánh mất gì?

Tiếng đàn một dây

ngả dọc Việt Nam

- đất nước // mang hình người đàn bà hơi khuy chân, // ngửa mặt

(Mùa đông cuối cùng – Vi Thùy Linh)

Hoặc:

không có ai? // Hay có có không không? // Tôi cứ nghe tiếng gọi

ôi cỏ non! // Chẳng lẽ lại là người?

tôi nằm // ngập cỏ non // ngập hương trinh trời đất

tiếng sáo xanh // ve vuốt tình mơ chưa hiện rõ mặt trời

lười mùa xuân// liếm nhẹ thịt da tôi...

(*Tinh mơ* – Nguyễn Trọng Tạo)

1.3.3.3. **Dấu chấm than (!)**

Dấu chấm than dùng để ngắt nhịp thơ, nhấn mạnh nhịp thơ, đồng thời thể hiện rõ ràng hơn những cảm xúc thơ.

Lúc thì vội vàng ra lệnh:

mi xanh // Buồn cứ long lanh

gặp long lanh // thấy mong manh là Buồn

buồn đừng đi! // Buồn đừng tan!

mất Buồn // còn lại tro tàn mà thôi

(*Sonnê buồn* – Nguyễn Trọng Tạo)

Khi thì cô đơn ca tức tưởi, tự cười, tự trào bởi những nhịp thơ 4/4, ngăn cách và chia đôi hai sự đối nghịch của niềm vui và nỗi đau, giữa tiếng cười và tiếng khóc:

Rồi lại cô đơn ca:

Này mình ta hê! // Lạnh lùng một kiếp!

Này hạnh phúc hê! // Cố cười thành khóc!

Này mùa đông hê! // Sống bằng hy vọng!

Này cách xa hê! // Ngàn câu khản giọng!

(Bài ca số phận – Vi Thùy Linh)

Và đôi khi, đó là những cảm xúc rất riêng của nhà thơ, chợt muốn ra dấu im lặng để lắng nghe âm thanh của cuộc sống, là nhịp thơ gấp nhưng mang hơi hướng dần trải nhằm tạo không gian cho sự lắng đọng của tâm hồn:

Mưa rơi //lên bọc trắng

Mưa rơi //lên bọc đen

Có gì khác?

Suyt

Im lặng!

Hãy bịt tai nghe

Hãy bịt mũi người

Hãy nhắm mắt nhìn

Rất khác!

(Hành xác và thể nghiệm – Ly Hoàng Ly)

Có lúc lại sử dụng cả ba dấu chấm than, tạo giọng thơ hụt hẫng, nhịp thơ ngắt lại nhưng cứ muốn dài ra:

Bỗng nhiên

Anh thay đổi!!!

(Sự im lặng - Vi Thùy Linh)

1.3.3.4. Dấu hai chấm (:)

Khi khảo sát thơ Việt Nam đương đại, người viết nhận thấy dấu hai chấm xuất hiện khá nhiều trên các tác phẩm. Dấu hai chấm không những chứa đựng lời giải thích cho từ - ngữ đứng trước, dấu hai chấm trong các dòng thơ đương đại còn mang vai trò làm điểm ngắt nhịp cho thơ. Khi đọc những dòng thơ có xuất hiện dấu hai chấm, người đọc buộc phải dừng lại. Do đó, từ - ngữ sau dấu hai chấm được nhấn mạnh hơn, nhịp điệu dòng thơ sẽ như ngân vang hơn.

Ta xem xét hai ví dụ sau:

Ta cười // giấc mơ

Con ngựa ô // bờm dài

Lao qua đồng cỏ

Cỏ nằm đếm vó

Ngựa mặt:// thình không

(Độc mã – Vi Thùy Linh)

Là khi// tỉnh giấc trong đêm

một mình// ta thấy ngòi bên:// Nỗi buồn

là khi// cạn một ly tràn

đáy ly// ta lại thấy làn mi xanh

(Sonnê buồn – Nguyễn Trọng Tạo)

Ở ví dụ thứ nhất, nhịp thơ cứ đều đều ở nhịp 4 hoặc 5 đến hết dòng thơ.

Riêng câu thứ 5, nhịp thơ được phân thành nhịp 2/2. Nhịp ngắn hơn so với cả đoạn thơ đã khiến hình ảnh “thình không” được nổi bật hơn.

Ở ví dụ thứ hai, các câu thơ đều có nhịp đầu là nhịp 2, nhịp sau là một nhịp kéo dài (có thể là nhịp 4 hoặc nhịp 5). Riêng dòng thơ thứ hai với sự xuất hiện của dấu hai chấm, nhịp thơ được chia thành 2/4/2. “Nỗi buồn” đã được nhấn mạnh hơn, tạo thành trung tâm của tâm trạng thơ.

1.3.3.5. Dấu chấm lửng (...)

Dấu chấm lửng chiếm tỉ lệ xuất hiện khá cao (2,85%), có mặt trong đa số các bài thơ đương đại, tạo chỗ ngắt nhịp dài hơn, lâu hơn, thể hiện những cảm xúc sâu lắng.

Độc những câu thơ sau của Vi Thùy Linh, ta thấy nhịp thơ nhanh, dồn dập ở câu đầu bỗng đột ngột chuyển điệu, cảm xúc lắng lại, dàn trải ra ở chuỗi thời gian “từng ngày” trôi qua một cách nhàm chán:

Đừng bao giờ// xô mùa đông về em!

... Từng ngày...

... Từng ngày...

Liêu phiêu// em đợi

(Đầu tiên và cuối cùng – Vi Thùy Linh)

Hay câu thơ của Nguyễn Trọng Tạo đang êm ái lướt đi trên nhịp chẵn của câu 6, đến câu 8 bỗng khựng lại ở cách ngắt nhịp 2/2/3/2. Nhịp thơ trải ra, rồi dừng lại ở nhịp thơ lẻ, vừa có tác dụng nói lên sự nhớ nhung tha thiết nhưng chưa được gặp khi chờ đợi người yêu, vừa có tác dụng làm nổi bật danh từ “Em” khi nó chỉ đứng một mình:

Bao nhiêu chờ đợi// trên đời

Bỗng dung// anh hiểu// khi ngời đợi... //Em!

(Đợi – Nguyễn Trọng Tạo)

Dấu chấm lửng còn thể hiện sâu lắng cảm xúc của nhà thơ, tạo một vòng quay tuần hoàn cho nhịp thơ và cho ý thơ:

Nỗi đau // lịm dần... //lịm dần

Nỗi đau //gương dâ... //gương dâ

Trong những tia cười dao sắc// và thơ

(Mười một khúc cảm – Nguyễn Quang Thiều)

1.3.3.6. Dấu gạch nối (-)

Dấu gạch nối xuất hiện với tỉ lệ 1,59% so với số lượng dòng thơ đã khảo sát trong thơ Việt Nam đương đại, nhất là trong thơ của Vi Thùy Linh. Ngoài chức năng ngắt nhịp trong thơ, ở mỗi vị trí, mỗi ngữ cảnh khác nhau, dấu gạch nối thể hiện cảm xúc của nhà thơ, tác động trực tiếp đến giọng điệu thơ.

Nó có thể nhấn mạnh từ giữa hai dấu gạch nối, bởi nó tạo ra nhịp thơ đơn cho từ đó:

Vực tay xuống lòng sông//, tôi dâng lên// xòe rộng

Phù sa nhiều dài //– MÁU// – chậm chậm// và rên rỉ

*Vực tay xuống lòng sông//, tôi dâng lên//, xòe rộng//, ban mai
túa đây*

Mí mắt tôi// bơ thứ ba màu mỡ // bóng tối chuyển động

(Chiếc bình gốm – Nguyễn Quang Thiều)

Trong bài “*Thềm chồng*” của Vi Thùy Linh, dấu gạch nối tách dòng thơ 5 chữ thành nhịp 1/1/1/1/1, giọng điệu nhấn mạnh, như muốn giẫm đạp vào hiện thực từng bước mạnh mẽ để xác định được rằng “mình đang sống”:

Đầu rỗng

Tôi // tập Chết

Để - //biết – //mình – //đang –// sống

(Thèm chồng – Vi Thùy Linh)

Trong bài thơ “*Thở*” thì đó lại là dấu gạch nối tạo ra một dòng ngăn cách cho từng cặp hình ảnh thơ đối lập nhau. Nhịp thơ được dừng lại ở từng hình ảnh một:

*Những bộ quần áo// mới// –// cũ, // phẳng// – //nhàu// cùng đối
thoại*

Mây trong// thêu rục// rặng vàng bay

(Thở - Vi Thùy Linh)

Hoặc trong thơ Nguyễn Trọng Tạo, nó lại là phương tiện vừa chia cắt thành phần câu, vừa tạo thành hai cột dọc của sự so sánh. Nhịp thơ chẵn được phát triển dần dần theo mô hình: 2/4 - 2/4 - 2/6 vừa tạo được nhạc tính nhẹ nhàng êm ái cho thơ, vừa đẩy cảm xúc thơ lên tầng mới mạnh mẽ hơn với sự dài hơn của nhịp 6 ở câu cuối:

khát nước – //mời cạn ly đầy

khát men – //mời cạn rượu này

khát tình – //uống cạn //tháng ngày buồn tênh

(*Ý nghĩ* – Nguyễn Trọng Tạo)

1.4. Vai trò của nhịp trong thơ Việt Nam đương đại

Nhịp trong thơ Việt Nam đương đại không bắt buộc tuân thủ theo một khuôn nhịp nào, mà là nhịp lòng, là cảm xúc của tác giả. Vì thế, vai trò đầu tiên của nhịp thơ là góp phần diễn tả vận động đời sống tâm hồn, gia tăng cảm xúc thơ. Đó là nhịp tự do của trái tim đương đại, là nhịp của chủ thể, biểu hiện rõ ràng cá tính của chủ thể, bộc lộ tư duy và cảm xúc sống động của chủ thể. Cách ngắt nhịp thường gắn với các trạng thái cảm xúc và cảm hứng sáng tạo của con người. Với mỗi cách ngắt nhịp khác nhau sẽ có các tiết tấu, cung bậc khác nhau cho câu thơ. Nhịp thơ ngắn tạo điệu thơ thanh, dồn dập. Nhịp thơ dài tạo sự dàn trải. Nhịp chẵn tạo cảm giác bình yên, phẳng lặng. Nhịp lẻ tạo sự trúc trắc, gập ghềnh,...

Ví dụ như trong bài “*Đồng dao cho người lớn*” của Nguyễn Trọng Tạo, với cách ngắt nhịp từng cặp chẵn 2/2/2/2 hoặc 4/4 tạo ra sự chia cắt, phân đôi, giống như sự chênh vênh của tác giả giữa cái “có” và cái “không”. Trong thơ 8 chữ, nhịp thơ sẽ nhanh hơn, khó biểu đạt những ẩn ý đối chiếu, so sánh. Nhưng cách ngắt nhịp chẵn đã thể hiện được cái u uẩn, nhòe mờ trong tư tưởng tình cảm tác giả khi viết về cuộc sống phức tạp, ngổn ngang:

có cha// có mẹ// có trẻ mồ côi

có ông trăng tròn// nào phải mâm xôi.

có cả đất trời // mà không nhà ở

có vui nho nhỏ// có buồn mênh mông.

mà thuyền vẫn sông// mà xanh vẫn cỏ

mà đời vẫn say // mà hồn vẫn gió.

có thương// có nhớ// có khóc// có cười

có cái chớp mắt// đã nghìn năm trôi.

(Đồng dao cho người lớn – Nguyễn Trọng Tạo)

Vì là nhịp của tâm hồn nên nhịp thơ có nhiệm vụ điều chỉnh ngữ điệu, ngữ nghĩa cho thơ. Nhịp tạo ra nghĩa mới theo nhịp điệu tâm hồn, tạo những nghĩa mà bản thân từ vựng không diễn tả hết.

Ví dụ, những bậc thang trong thơ Vi Thùy Linh đã tạo ra nhịp 1/1/1/10. Nếu hình thức thơ tương ứng hình ảnh rơi của nhân vật trữ tình thì nhịp thơ vang lên lại dừng lại ở từng âm tiết một, nhấn mạnh hình tượng rơi từ trên

cao xuống, không điểm tựa, không gì níu kéo, và rơi xuống một không gian rộng lớn, lạc lõng:

Con

rơi

xuống

dòng sông đỏ đang chuyển dịch bóng những vì sao

(Những đối lập – Vi Thùy Linh)

Trong thơ đương đại, sự xuất hiện của vần thơ không nhiều. Do đó, vai trò kết cấu, tổ chức văn bản thơ và tạo nên giọng điệu, tính nhạc cho thơ của nhịp càng được nhấn mạnh hơn. Những cách thức ngắt nhịp bằng hình thức thơ bậc thang, bằng hiện tượng vắt dòng hay điệp cấu trúc là những yếu tố tạo mối liên hệ giữa nhịp thơ dòng trước và nhịp thơ dòng sau. Từ đó, tạo sự liên kết ý thơ và tạo nên âm hưởng bao quát cả bài thơ.

Tiểu kết

Sự tự do trong hình thức văn bản thơ của thơ đương đại dẫn đến sự tự do của vần và cả của nhịp điệu thơ. Trong thơ đương đại, nhịp thơ không còn bị ràng buộc chặt chẽ bởi những khuôn khổ mà tồn tại tự do trong tổ chức câu thơ,

đoạn thơ và bài thơ, do cảm xúc của nhà thơ chi phối. Nhịp thơ đương đại phong phú, đa dạng và linh hoạt trong cách ngắt nhịp. Đó chính là nhịp điệu diễn xuất, phụ thuộc vào sự sáng tạo, cách tân của người sáng tác.

Từ sự chi phối của cảm xúc người viết, nhịp thơ đương đại được ảnh hưởng bởi những hình thức ngắt nhịp hiện đại trên ba cơ sở chính: hình thái văn bản, cú pháp và dấu câu. Trong đó yếu tố vắt dòng, điệp cú pháp chiếm tỉ lệ cao trong việc quy định nhịp thơ. Ngoài ra, khác với thơ truyền thống vốn dĩ hạn chế sự xuất hiện của các loại dấu câu (trừ dấu phẩy), thơ đương đại có gần 1500 dấu câu trong 17169 dòng thơ. Đây chính là một sự đổi mới hình thức của thơ đương đại, là cơ sở giúp tổ chức nhịp thơ chặt chẽ, nhịp nhàng hơn trong những câu thơ tự do và thơ văn xuôi.

Với những phương thức ngắt nhịp ảnh hưởng nhiều từ chủ nghĩa Hậu hiện đại, nhịp thơ Việt Nam đương đại đã phát huy tối đa vai trò thể hiện cảm xúc của tác giả cũng như vai trò liên kết văn bản thơ và tạo nhạc tính cho thơ, làm cho lời thơ có hiệu quả hoà phối âm thanh một cách cao nhất.

```
Normal 0 false false false EN-US X-NONE X-NONE /* Style Definitions */
table.MsoNormalTable {mso-style-name:"Table Normal"; mso-tstyle-
rowband-size:0; mso-tstyle-colband-size:0; mso-style-noshow:yes; mso-
style-priority:99; mso-style-parent:""; mso-padding-alt:0cm 5.4pt 0cm 5.4pt;
mso-para-margin:0cm; mso-para-margin-bottom:.0001pt; mso-
pagination:widow-orphan; font-size:10.0pt; font-family:"Arial","sans-serif";
mso-bidi-font-family:"Times New Roman";}
```

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.. 1

1. Lý do chọn đề tài 1

2. Lịch sử vấn đề. 2

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu. 3

4. Phương pháp nghiên cứu. 4

5. Kết cấu khóa luận. 4

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ THUYẾT.. 6

1.1. Khái quát về văn thơ. 6

1.1.1. Khái niệm.. 6

1.1.2. Vấn đề phân loại văn thơ. 7

1.1.3. Văn trong các thể thơ Việt Nam.. 9

1.1.4. Chức năng của văn thơ. 11

1.2. Khái quát về nhịp thơ. 12

1.2.1. Khái niệm.. 12

1.2.2. Phân loại nhịp thơ. 13

1.2.3. Các nguyên tắc ngừng nhịp trong thơ. 14

1.2.4. Vai trò của nhịp trong thơ. 15

1.2.5. Mối quan hệ giữa vần và nhịp trong thơ. 16

1.3. Vài nét về thơ đương đại và những tác giả thơ Việt Nam đương đại 17

1.3.1. Tổng quan thơ Việt Nam đương đại 17

1.3.2. Giới thiệu một số tác giả thơ Việt Nam đương đại 23

CHƯƠNG 2: VẦN TRONG THƠ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI. 28

2.1. Có hay không sự tồn tại của vần trong thơ Việt Nam đương đại?. 28

2.2. Những đổi mới của việc gieo vần trong thơ Việt Nam đương đại 32

2.2.1. Xét theo vị trí hiệp vần. 32

2.2.2. Xét theo sự biến thiên của thanh điệu. 39

2.2.3. Xét theo mức độ hòa âm.. 42

2.3. Vai trò của vần trong thơ Việt Nam đương đại 49

Tiểu kết 50

CHƯƠNG 3: NHỊP TRONG THƠ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI. 52

3.1. Mối quan hệ giữa nhịp thơ và cảm xúc tâm hồn của tác giả. 52

3.2. Những phương thức ngắt nhịp trong thơ Việt Nam đương đại 59

3.2.1. Ngắt nhịp trên cơ sở hình thái văn bản. 60

3.2.2. Ngắt nhịp trên cơ sở cú pháp. 63

3.2.3. Ngắt nhịp trên cơ sở dấu câu. 70

3.3. Vai trò của nhịp trong thơ Việt Nam đương đại 77

Tiểu kết 78

KẾT LUẬN.. 80

NGUỒN NGŨ LIÊU.. 82

TÀI LIỆU THAM KHẢO.. 83